

bất độc tử kỳ tử) khiến cho tất cả người già, ai nấy cũng có chốn yên nghỉ mà chờ đến thọ chung (sở lão hữu sở chung) tất cả người cường tráng ai nấy cũng có công việc làm (tráng hữu sở dụng) tất cả người thơ yếu đều có chốn nương nhờ dạy dỗ cho đến lúc trưởng thành (ấu hữu sở trưởng) nếu có người nào mà mắc lấy những việc tội nghiệp, như người quan là người chết vợ, người quả là người chết chồng, người cô độc là người một thân một mình, người tàn tật là người hoặc mù hoặc câm, hoặc tay chân què quặt, tất cả đều có chốn nuôi họ (quan quả cô độc tàn tật giả giai hữu sở dưỡng) tất cả con trai, ai nấy cũng có chức phận (nam hữu phận) tất cả con gái, ai nấy cũng có chồng riêng mình làm bạn (nữ hữu qui). Bao nhiêu những giống gì sinh ra lợi ích gọi là "hóa" mà cùng là giống người ta phải dùng vẫn không ai nỡ bỏ vất ở giữa đường, nhưng để cho xã hội chung dùng với nhau, không cần trư riêng làm của mình (Hóa ở kỳ khi u địa giả, bất tất kỳ tàng u kỷ). Bao nhiêu những nhân công mà sinh nở ra lợi ích thì gọi rằng "lục", người nào làm những việc gì thì hết sức làm những việc ấy, không ai nỡ dẫu sức lại mà không hết sức làm, nhưng không cần làm lợi ích cho riêng mình (lục ở kỳ bất xuất u thân giả bất tất vị kỷ dụng).

Vì vậy, cho nên những đồ mưu kế gian trá không còn được một lối nào mà phát hiện ra được nữa, những trộm cướp giặc giã, đi đâu mất tích hết, không còn một đứa nào (thị cố mưu bế, nhi bất hung, đạo thiết loạn tặc, nhi bất tác), lúc bấy giờ đầu có của ngoài mà không cần gì phải đóng (ngoại hộ nhi bất bế), cả thế giới làm một nhà cũng được. Như cả thấy trên kia đã nói, mới là đại đồng. Đại đồng nghĩa là một đạo lý chung cộng to lớn nhất, bao bọc khắp thế giới (thị vị đại đồng).

Hết

(Theo bản in của Nhà xuất bản
Sinh Minh - Vinh - 1946)

NHÂN SINH TRIẾT HỌC

Chương thứ nhất

GIẢI THÍCH Ý NGHĨA HAI CHỮ NHÂN SINH

Bản sách này chưa dám nói hoàn toàn một bản sách triết học, mà cũng là một bộ phận trong bản sách triết học, chuyên chú trọng một bộ phận thuộc về nhân sinh.

Hai chữ "NHÂN SINH", chỉ thích qua ý nghĩa, vẫn rất đơn giản. Có thể nói rằng cách sinh hoạt của loài người, hay là loài người sở dĩ đẻ ra, cùng loài người sở dĩ sống được. Góp cả ba câu ấy lại mới hết được ý nghĩa hai chữ "NHÂN SINH".

Nhưng trong ba câu ấy phải sắp cho có tầng thứ trước sau mới đúng được ý nghĩa :

- 1 - Loài người sở dĩ sinh ra.
- 2 - Loài người sở dĩ sống được.
- 3 - Cách sinh hoạt của loài người.

Tuy nhiên, chỉ giải thích giản đơn như ba câu trên, ý tứ còn hàm hồ mà nghĩa lý cũng chưa minh bạch; tất phải dùng cách diễn dịch mỗi câu mỗi câu, phân tách rõ ràng. Vậy phải chia ra mấy tiết dưới đây :

Tiết thứ nhất.

Ý NGHĨA CHỮ "NHÂN"

"Nhân" nguyên chữ Hán đọc là "Nhân", theo quốc văn ta thời "Nhân" là người; theo Pháp văn thì "Nhân" là "Homme" !

Giải thích ý nghĩa chữ "Nhân", trước phải trả lời mấy câu hỏi :

- 1 - Vì sao mà có người ?
- 2 - Người là giống gì ?
- 3 - Người so với vạn vật thì thế nào ?
- 4 - Loài người có ngày tiêu diệt hay không ?

Mục thứ nhất

Vì sao mà có người ?

Nguyên từ lúc vô thì chưa có gì là vũ trụ, vẫn chưa có người; vì chưa có vũ trụ, chẳng cần gì có người, mà cũng không thể có người được. Duy từ ngày thành linh mà có Trời, lại thành linh mà có đất; vì có trời đất mà bắt đầu có người.

Theo như sách nhà Nho : "Thiên khai u tý, địa tịch u sùu, nhân sanh u dân" tuy theo con mắt nhà khoa học, câu nói ấy giống như hoang đường nhưng theo trong óc nhà triết lý thời câu nói ấy vẫn là thực tế. Hễ có nhất sự, nhất vật, tất phải trải qua một thời gian, tất phải có trước sau. Kinh Dịch có câu : "Hữu thiên địa nhiên hậu hữu vạn vật, hữu vạn vật nhiên hậu hữu nam nữ". Nam nữ nghĩa là trai gái; trai gái tức là người. Lại có câu : "Hữu thiên địa nhiên hậu vạn vật sanh yên : dinh thiên địa chi gian giả duy vạn vật". Nghĩa là đã có trời đất, vậy sau vạn vật mới đẻ ra; đây ở trong khoảng trời đất chỉ duy vạn vật

Nhưng vì sao ở trong vạn vật mà phải có người ? là bởi vì có Trời đất mà phải có người. Trời là cha, đất là mẹ, mà người là con. Sách Trang Tử có câu : "hiệu vật chi số, vị chi vạn, nhân xử nhất yên." Người chỉ là một vật ở trong vạn vật. Nhưng vì có sao ở trong vạn vật mà phải có người ? Là bởi vì có Trời, có đất mà phải có người. Trời là cha, đất là mẹ, người là con.

Thầy Trương Hoành Cừ có câu :

"Càn xung phụ, khôn xung mẫu, dự ty diếu yên, nãi hồn

nhiên trung xử". Nghĩa là Càn là cha, khôn là mẹ, người hỗn hợp với càn khôn mà ở chính giữa.

Kinh dịch lại có câu :

"Hữu Thiên đạo yên, hữu Nhân đạo yên, hữu Địa đạo yên, kiêm tam tài chi Đạo giả". Nghĩa là có Đạo Trời, có Đạo người, có Đạo đất, gộp ba Đạo ấy mới đủ ba thức tài. Tiên nho lại có câu bổ túc ý Kinh dịch : "Thiên thành vị hồ thượng, địa vị thành hồ hạ, nhân thành vị hồ trung".

Tóm xét hết các Đạo lý kể trên mới biết rằng ở trong vũ trụ mà có người là một việc chân bất đắc dĩ của Trời đất. Bởi vì đã có Trời là có ông cha, đã có đất là có bà mẹ, tất phải có con; nếu cha mẹ suông thời vũ trụ buồn quá, nên phải có người để làm con; mà hạnh phúc của vũ trụ bấy giờ mới viên mãn. Nên sách Trung Dung có mấy câu để đại biểu cho người rằng; "cao minh phối thiên, bác hậu phối địa". Nghĩa là người có đức tính cao minh để hợp với Trời, người có đức bác hậu để hợp với đất.

Xem ý nghĩa câu ấy thì biết, nếu không người thì Trời đất không ai phối hợp, chẳng cô độc trợ trợ lắm hay sao ? Nên sách Lễ ký, Thiên Lễ vận cũng có nói : "Nhân giả, Thiên địa chi tâm dã". Nghĩa là loài người chính là bầu tim cuống ruột của Trời đất vậy, Tâm của Trời đất, chuyên chú vào nơi người mà ở trong vũ trụ phải để ra loài người vậy.

Loài người chính là con của Trời đất, mà cái cơ loài người sở dĩ phải có, cũng chỉ vì lẽ ấy.

Trên là trả lời câu hỏi thứ nhất. Muốn trả lời cho minh bạch, xin mượn hai chữ "Nhân duyên" trong Kinh Phật.

Nhất thiết trong vũ trụ, trừ duy hư không vô vật mới không có nhân duyên, chứ đã đến có, tất trước phải có nhân duyên mà sau cái ấy mới sinh ra, dẫu rộng lớn đến vũ trụ cũng không

tránh khỏi công lệ ấy.

Nguyên lúc đầu vẫn chưa có loài người, nhưng trước đã có Trời đất. Trời là khí nhất dương cấu thành, đất là khí nhất âm cấu thành. Vì âm dương kết hợp với nhau, vậy mới đẻ ra loài người, nên ở trong *Kinh dịch* có câu : "Càn đạo thành Nam, Khôn đạo thành nữ". Ở trong khí âm dương kết hợp, dương khí mạnh hơn âm, thời thành trai, âm khí mạnh hơn dương thành gái. Vì nhân duyên Càn khôn thấu hợp mà loài người bấy giờ mới sanh.

Học giả chữ "Đạo" ở đây phải biết câu "nhất âm nhất dương chi vị đạo". Đạo là chỉ vào Trời đất thuộc về lý khí, chứ không phải Trời đất thuộc về hình chất. Xem sách *Đại đài lễ* có câu: "Thiên địa hợp nhi hậu vạn vật sinh yên" nghĩa là Trời đất có giao hợp với nhau mà sau vạn vật mới nảy sinh ra, cũng phát minh ra với nghĩa *Kinh Dịch*

Chúng ta nếu không hiểu Phật thuyết với Dịch lý thời cái có sở dĩ có loài người chẳng phải hoài nghi gì nữa.

Mục thứ hai Người là giống gì ?

Người là con đẻ của Trời đất như mục thú nhất đã nói. Tuy nhiên con đẻ của Trời đất há phải độc chiếc người mà thôi đâu. Đây ở trong khoảng Trời đất kể hết thấy thì có vạn vật. Người chỉ là trong vạn vật, thế thời nên gọi người là giống gì?

Trả lời câu hỏi ấy, phải tham khảo Luận lý học của Đông phương và Xã hội học ở Tây phương.

Kinh Thi (Thái Thê) có câu :

"Duy Thiên địa vạn vật chi phụ mẫu, duy nhân vạn vật chi linh." Nghĩa là duy Trời đất là cha mẹ của vạn vật; duy loài người là giống thiêng liêng hơn cả vạn vật.

Sách *Tuân Tử* có nói : "Thủy hỏa hữu khí nhi vô sanh;

thảo mộc hữu canh nhi vô tri; cầm thú hữu tri nhi vô nghĩa; nhân hữu khí, hữu sinh, hữu tri, diệc hữu nghĩa, cổ tối ưu thiên hạ quý dã." Nghĩa là nước lửa chỉ có hơi mà không chết sống, cây cỏ có chết sống mà không khôn biết, chim muông có khôn biết mà không hay biết việc phải, người thì có khí, có sanh, có tri lại có cả nghĩa, cho nên quý trọng nhất ở trong thiên hạ.

Sách *Hiếu kinh* lại có câu rằng : "Thiên địa chí tính nhân vi quý." Nghĩa là theo nhu tính của Trời đất, chỉ duy người là đáng quý trọng.

Nhà Triết học Đông Phương *Đổng Trọng Thư* cũng có câu rằng : "Mạc phú ưu địa, mạc thần ưu thiên; thiên địa chi tính sở dĩ sanh vật giả mạc quý ưu nhân". Nghĩa là chẳng ai giàu hơn đất, chẳng ai thiêng hơn Trời, nhóm tính khí của Trời đất mà sinh ra vật chẳng gì quý hơn người. Câu này càng phát minh được ý nghĩa câu trên.

Sách *Đại Đài lễ* có câu : "Khôa trùng tam bách hữu lục thập, nhân vi chi trưởng." Nghĩa là ở trong loài động vật, có một thứ gọi là khôa trùng, mà hết thấy loài khôa trùng có 360 giống, duy người là lớn nhất ở trong loài ấy.

Xem hết các thuyết trên thời biết rằng người có thể gọi là một giống thần linh ở trong vạn vật, mà cũng có thể gọi là một vật tôn trưởng trong vạn vật.

Tuy nhiên, những thuyết trên ấy chuyên thuộc và phần lý luận. Bấy giờ muốn nói cho đúng sự thật thời xin tham khảo với thuyết Xã hội học của Tây phương.

Triết học Tây phương, ông *A LỖ TY ĐA ĐỨC* (Aristote) có nói : "Loài người khi mới bắt đầu sanh ra là một thú động vật mà có Xã hội" (*Nhân loại sinh lai thị Xã hội động vật*).

Nhà Triết học Áo là ông *Đa-Lỗ-Tân-Lãnh* (William jerulern) cũng nói : "Người là một giống sanh vật có Xã hội, một lo

động vật hay quần cư". Ông lại nói thêm rằng : "Loài người ở trong vũ trụ, tất phải nhận Xã hội hoàn cảnh làm cái kho tàng rất trọng yếu, bởi vì những giống mà cung cấp tinh thần, sanh hoạt, chỉ đạo nội dung cho loài người, tất thấy ở nơi Xã hội".

Xem lời hai nhà Tây triết thời có thể nói : người là một giống có Xã hội. Tức như học thuyết Đông phương ta, Thầy Tuân bàn đến người cũng có câu : "Lục bất nhược ngu, tẩu bất nhược mã, nhi ngu mã vi dụng hà dã ? Viết nhân năng quần, bỉ bất năng quần dã". Nghĩa là sức mạnh của người chẳng bằng trâu, sức chạy của người chẳng bằng ngựa mà trâu ngựa lại bị người sử dụng là có sao vậy ? Là vì người hay kết thành bầy, chúng nó chẳng hay kết thành bầy đó vậy !

Xem hai chữ "năng quần", chẳng phải Xã hội là gì ? Vậy nên trả lời câu hỏi thứ hai "người là giống gì ?" chúng ta dám quyết định rằng : người là một giống động vật mà có Xã hội.

Mục thứ ba

Người so với vạn vật thời thế nào ?

Trả lời câu hỏi này, tất phải nhắc lại mấy câu hỏi trên mục thứ hai.

Người đã là một giống thiêng liêng hơn vạn vật, mà lại là một bậc tôn trưởng ở trong vạn vật thời còn so với chúng nó làm gì ? Nhưng vì một lẽ, người tuy thiêng liêng hơn chúng, mà chúng cũng tự phụ là con của Trời đất, há chịu không dung mà phục tùng người đâu ! Người đi lên núi thì bị khốn với hùm beo; người lặn xuống bể thì bị khốn với kinh ngư; giống vật rất nhỏ như con muỗi, con rệp, con kiến, chúng cũng rình mò thóc mách muốn ăn thịt người, hút máu người. Vì thế mà người phải so với chúng. Sau khi đã so được tình xác thời biết rằng người ta có một bộ óc khôn, có một món năng lực mà những vật khác không có. Người cao hơn vạn vật đến gấp nghìn gấp vạn. Bấy giờ mới lợi dụng óc khôn với năng lực của người mà thả ngón

chinh phục vạn vật, cũng nhân đó mà nẩy cái dã tâm áp chế vạn vật : khi vào rừng thì hùm beo phải chết với người, khi xuống nước thời kinh ngư cũng phải chết với người.

Tuy rất lanh chạy như vượn, khỉ mà cũng bị giam vào trường bách thú; rất tinh ranh như ung chiền mà cũng bị nhốt vào lồng nuôi chim. Vạn vật đâu khôn mạnh đến thế nào, nhưng đụng lấy sức khôn mạnh của người thời nó cũng bấm gan nhắm mắt mà chịu người chinh phục áp chế, mà chúng chẳng biết bao giờ trả được thù.

Nói cho đúng người so với vạn vật thời người thiệt là một đấng đại cừu địch của vạn vật; mà bảo rằng người chính là một nhà đại cường quyền ở trong vạn vật cũng đúng lắm.

Nhưng chúng ta nên biết rằng, sơ tâm của thần Tào hóa sở dĩ phú dữ cho người một bộ óc khôn, với năng lực đặc biệt là cốt để chinh phục vạn vật cho loài người được hoàn toàn tự vệ mà thôi. Chứ như loài người đối với loài người mà cũng dùng cái bản năng đặc biệt ấy chinh phục lẫn nhau, té ra loài người mà cừu địch với loài người. Những hạng người mà dùng những món cường quyền hại nhau như thế, chúng ta thiệt nên bài trừ họ ra khỏi loài người, chẳng thềm so độ với họ làm gì.

Mục thứ tư :

Người so với Trời đất thế nào ?

Như mục thứ nhất đã nói, người là con đẻ của Trời đất, mà bây giờ lại dám so với Trời đất, té ra làm con mà kiêu ngạo với cha mẹ, chẳng vô lý lắm hay sao ? Không ! Không đâu ! Theo thường tình của loài người, cha mẹ vẫn thương con, càng trông cho con giống mình mà gọi bằng tiểu tử, hơn nữa lại còn trông cho con được hơn mình. Con hơn cha mẹ, sách sử xưa đã tán tụng bằng câu : "Khóa tảo sung lu" mà xem một việc đại gia phúc; trái lại kém cha mẹ thời mang lấy tiếng xấu là "bất hiếu tử". Người đời xưa đã có câu : "hổ phụ khuyến tử" cha

hùm mà con chó là việc đại bất hạnh trong gia đình.

Kinh Dịch, quẻ *Cô*, hào sơ có nói. "Cán phụ chi cổ, chung cát". Nghĩa là đời cha có làm việc xấu đời con phải chỉnh đốn sửa sang cho thành ra tốt, mới hoàn toàn được đạo lành. Lại có câu : "Cán mẫu chi cổ" cũng nghĩa ấy.

Xem lẽ trên thời con mà so với cha mẹ là lẽ đương nhiên. Vậy người đã thừa nhận mình là con đẻ của trời đất thời lấy người mà so với trời đất là đúng lắm.

Kinh Dịch, *Tượng truyền* quẻ *Thái* có nói : "Tài thành thiên địa chi đạo, phụ tướng thiên địa chi nghi". Nghĩa là công việc của trời đất tạo thiết ra, nhờ người sửa xén lại cho hoàn thành; tài liệu của trời đất sắp đặt ra, nhờ người giúp đỡ cho thỏa đáng.

Hai câu ấy thật đại biểu cho cái nghĩa vụ người làm con của trời đất.

Hệ Từ thượng lại có câu : "Phạm vi thiên địa chi hóa nhi bất quá". Nghĩa là khuôn bậc khí hóa của Trời đất mà chẳng để vượt ra ngoài. Câu ấy cũng đại biểu như câu trên. Người có lẽ gì mà chẳng dám so độ với Trời đất đó ư ?

Thánh Đông phương xưa đặt chữ, đến chữ "thiên" trước vạch chữ nhĩ, lót chữ "nhân" vào giữa, rất có ý thần diệu. Chữ ấy chỉ có nghĩa người sánh đôi được Trời, mà đầu Trời cũng chỉ sánh đôi được người mà thôi. Góp hai chữ "nhĩ" và chữ "nhân" mà thành ra chữ "thiên". Ý tứ rất hay. Nên Đồng Tử đã nói : "Thiên chi phó tại hồ nhân" làm phó nhĩ cho Trời, chỉ có người. Nghĩa ấy càng rõ "Vi sanh bất năng vi nhân, vi nhân giả thiên giả". Người mà chỉ đủ làm nổi sự sống, không thể gọi là người; gọi bằng người là in như trời kia vậy, ý nghĩa câu ấy rất thâm thiết với hai chữ "Nhân Sinh".

Thầy Đồng lại có một đoạn thuyết lý càng chứng minh

được người nên làm con hiếu của Trời đất : "Thiên trường chi, nhi nhân thương chi giả, kỳ trường tồn, thiên đoan chi nhi nhân dưỡng chi giả, kỳ đoan ích; nhân kỳ thiên chi kế dư !". Nghĩa là trời có ý cho nó dài, mà người làm hại nó, thời phần dài của nó phải bớt; trời có ý bắt nó ngắn, mà người vun nuôi nó, thời phần ngắn của nó dài ra. Người chính là sức chấp nối chỗ thiếu cho trời kia nữa.

Lý ấy chẳng những học thuyết Đông phương nhiều nhà chủ trương, mà học thuyết Tây phương càng chủ trương mạnh lắm. Những sách Tây phương dùng chữ : "Thiên Nhiên" với chữ "Thượng Đế" đại biểu cho Trời đất chúng ta nhận rõ thời biết được họ cũng bảo người ta phải so với trời đất.

Triết học Tây thuộc về phái tiến bộ (progrès) có ông Dịch Táp Nhi (Descarte), ông Bồi Căn (Bacon), ông Thiên Hy Đức (Fichte), họ nói : sức làm của người có thể chiến thắng được thiên nhiên đến vô hạn lượng, và trí thức của người ta đối với thiên nhiên, quyền lực của người ta thống trị được thiên nhiên, là vi giống người ta có khoa học.

Theo như lý tưởng của các nhà Tây triết thời loài người đã vào giữa thế giới, tất nhiên phải lập một cảnh giới nhân vị để đối lập với cảnh giới thiên nhiên. Họ nghĩ rằng người với thiên nhiên, nguyên lại đối bên đối lập với nhau, người có thể lấy trí thức mà chiến thắng thiên nhiên.

Xem các thuyết Tây triết trên thời người chẳng những làm tiểu tử cho trời đất, mà lại có lẽ phải làm đứa con "khóa táo sung lu" cho trời đất.

Họ lại có một câu nói rất tân kỳ lại rất có đạo lý : "Nhân loại đối với Thượng Đế cũng như nhân dân đối với chúa", vua chúa nếu chuyên chế quá thậm, thời nhân dân tất phải cách mệnh mà lập lấy chính phủ khác. Thượng Đế nếu có một ngày chuyên chế thái thậm, thời nhân loại chúng ta tức khắc phải

phản động mà lấy lực lượng để tự mình lập lấy một nhân quốc.

Tổng hợp các thuyết Đông Tây thời người chúng ta tất phải so với trời đất. Sau khi đã so được tinh xác rồi thời hành vi của chúng ta phải chia làm ba thời kỳ (ba thời kỳ tiến hành của nhân sanh sẽ thuyết minh sau).

Thời kỳ thứ nhất như con bé phải học chước cha mẹ, là mô phỏng trời đất.

Thời kỳ thứ nhì như con đã trưởng thành, phải giúp đỡ cha mẹ, là phụ trợ trời đất.

Thời kỳ thứ ba như con đã đến ngày lão thành nên làm cách gì cho hay hơn cha mẹ, là cải tạo trời đất.

Nhu toàn văn mục này là trả lời câu hỏi thứ tu, không còn nghi nghĩa, duy chờ cao minh đính chính.

Mục thứ năm

Loài người có ngày tiêu diệt hay không ?

Giải thích vấn đề này, lý luận của các nhà triết học Đông Tây rất là phức tạp. Nếu dùng phương pháp La Tập (logique) mà diễn dịch cho được tường tế, tất phải nhờ nhà chuyên môn triết học.

Nay xin chép qua những học thuyết trái nhau mà sẽ qui kết lấy thuyết hai nhà :

1- Dịch lý của đức Khổng.

2- Tiến hóa luận của ông Đạt Nhĩ Văn.

Trước kể các thuyết tương phản :

1.- Kinh *Đại tạng* của Phật gia nói : "Hình hữu mị nhi thần bất hóa; thần chi truyền u hình, du hóa chi truyền u tân". Nghĩa là xác thịt người có khi tiêu tan, mà linh hồn chẳng bao giờ biến; linh hồn truyền qua xác thịt, cũng như lửa truyền qua đồng

củi. Vì vậy mà Phật gia có thuyết "sanh tử luân hồi". Xác thịt này chết rồi, thời linh hồn truyền vào thể xác khác mà tái sinh.

Theo như thuyết Phật gia, thời chủ trương loài người chẳng tiêu diệt.

2.- Sách *Trang Tử* có nói : "Nhân chi hình dã, vạn hóa nhi vị thi hữu cực dã". Nghĩa là hình của loài người thay đổi hoài hoài, mà chẳng bao giờ cùng.

Lại nói : "Thiên hạ giả, vạn vật chi sở nhất giả : đặc kỳ sở nhất nhi đồng yên, tác tử chi bách thể tương vi trần cấu, nhi tử sanh chung thì tương vi trú dạ, nhi mặc chi năng cốt". Nghĩa là vũ trụ là một vùng của vạn vật ở chung với nhau; được chốn đồng nhất ấy mà chung cộng với nhau thời tử chi bách thể của người ta, cũng in như bụi bặm ở giữa không gian, mà tử sinh chung thì chẳng qua là đêm ngày đắp đổi với nhau, sống thời có chết, chết rồi lại sống, mà chẳng bao giờ cùng dứt.

Theo như thuyết của Đạo gia thời cá thể của người chúng ta vẫn hợp nhất với vũ trụ. Vũ trụ vĩnh cửu đến bao nhiêu thời người cũng vĩnh cửu đến bấy nhiêu. Đó cũng chủ trương loài người chẳng tiêu diệt.

3.- Nhà triết học Tây phương ở thế kỷ gần đây là ông Hải Tham Bạch Cách (Heisemberg) có sáng ra thuyết vô định luận, dựa theo hóa học, điện học, mà chúng nghiệm vũ trụ với nhân sinh giống như Tương đối thuyết (Relativismo) của ông Ác Nhân Ty Thán (Einstein) họ nói trong vũ trụ hễ một phía này nắp mốp, thời phía kia phải lù ra; phía kia đã lù ra, thời phía này phải nắp mốp. Nhưng hễ càng có thời gian thời nhất định có không gian cập theo; loài người chúng ta cũng cập với thời gian và không gian mà có hoài, chẳng qua chết sống, sống chết chỉ là tương đối, chứ không phải tuyệt đối.

4.- Nhà triết học nước Hy Lạp; Ngạch Nạp Tây Mãn (Anaximandre) dựng ra thuyết vô cùng lượng, cho rằng vạn vật

ở trong trời đất xưa nay, tính chất tuy thiên biến vạn hóa mặc dầu, nhưng tất thấy ra vào ở trong Á Bá Di Lông (Aperon) cái lượng của nó chẳng bao giờ cùng cực.

Hai nhà Tây triết kể trên, họ cho loài người cũng là một giống vô cơ thể, nên chẳng nhất định được bao giờ sinh, cũng chẳng nhất định được bao giờ diệt; cũng nhận là loài người chẳng bao giờ tiêu diệt.

5.- Giáo lý của Đức Chúa Jêsus thấy ở sách *Tính học dốc thuật* thời nói : Người ở thế gian có kẻ làm thiện có kẻ làm ác; kẻ làm thiện thì sau khi chết được thăng Thiên đường mà chẳng tái sinh ở nhân thế; kẻ làm ác thời sau khi chết phải sa xuống địa ngục cũng chẳng được tái sinh ở nhân thế. Vì vậy nên đến ngày mat nhựt của vũ trụ thời thế gian tuyệt không có loài người. Đó là lý luận của nhà Tôn giáo trái với lý luận của các nhà Triết học mà chủ trương loài người có tiêu diệt.

6.- Khoa học gia ở thập thất thế kỷ trở xuống là các ông Kha Bạch Na (Copernic), Cai Lý Luu (Galilée) xuống ra "Hữu định luận" (Déterminisme) lấy cặp mắt nhà khoa học mà phán đoán vũ trụ với nhân sinh. Họ bảo rằng loài người là một vật hữu cơ giới. Đã có cơ giới tức là hữu hình; đã hữu hình tức hữu hoại, không lẽ gì chẳng tiêu diệt. Đến sau nhà Duy vật luận là ông Mã Khắc Tu (Karl Marx) càng chủ trì thuyết ấy. Vì thế mà học thuyết xưa nay : nguyên đầu là tự nhiên khoa học (Science naturelle) chuyển qua sanh vật khoa học; lại do sanh vật khoa học mà chuyển qua xã hội khoa học (Science sociale) thành ra nhất thiết lỗ tai con mắt ta, không một tí gì chẳng phải là cơ giới. Loài người đó chỉ là cơ giới, thì xưa nay có cơ giới nào mà sống hoài hoài ? nên họ cũng nhận loài người có tiêu diệt.

Xem tóm hết các thuyết kể trên, một phương diện thời chủ trương loài người có tiêu diệt. Nghị luận rất phân vân, phía nào cũng có một lý do sung túc. Nếu chẳng phải nhà triết học đại

gia thời những thuyết trên, nào phải nào trái, chẳng dám khinh dị ha lời phán đoán.

Tuy nhiên, chúng ta sinh làm người ở thế kỷ hai mươi mà lại là con cháu của nhà Thánh triết Đông phương, hoàn cảnh hiện tại của chúng ta, xã hội chỉ là xã hội nô lệ mà cái họa diệt chủng đã bức theo sau lưng ta, bắt buộc chúng ta phải nghĩ đến một thủ triết học chuyên thuộc về tồn chủng, tác giả xin lấy hai thuyết dưới đây kết thúc mục trên.

Kinh Dịch. Tự quái của đức Khổng Tử, ở quẻ *Kiến* quẻ *Giải* có nói : "Kiến giả, nan giả; vật bất khả dĩ chung nan, cố thụ chi dĩ giải".

Vì có sao quẻ *Giải* lại tiếp theo quẻ *Kiến* ? Bởi vì *Kiến* là khốn nạn; nhưng nhất thiết vật, thứ nhất là người có trí giác, có năng lực, lại có đoàn thể, có lẽ gì khốn nạn đến cùng cực? Thế nào cũng có một phương pháp, một thời kỳ giải thoát nạn ấy. Nên sau quẻ *Kiến* tiếp lấy quẻ *Giải*, chính là bảo cho chúng ta, trải qua khốn nạn tất có phép giải cứu.

Ở quẻ *Bĩ*, quẻ *Đồng Nhân* lại có nói : "Vật bất khả chung bĩ, cố thụ chi dĩ Đồng Nhân".

Vì có sao quẻ *Bĩ* tiếp lấy quẻ *Đồng Nhân* ? Bởi vì *Bĩ* là lấp nghẹt, hết nhất thiết vật, nhất là người là một giống có sức hoạt động. Có sức hoạt động mới sinh tồn, không thể nào nghẹt lấp hoại mà an chịu được, tất phải kết đoàn thể cho to lớn, đồng một lòng một sức dắt nhau bước lên con đường hanh thông. Vì thế nên sau quẻ *Bĩ* tiếp lấy quẻ *Đồng Nhân*, nghĩa là chung cộng tất thấy người làm một đoàn thể.

Tự quái lại có một bài, lời giản đơn mà rất bao quát là câu ở quẻ *Kỷ tế* sang *Vị tế*, mà câu ấy lại kết thúc toàn *Kinh Dịch* : (Vật bất khả cùng dã, cố thụ chi dĩ *Vị tế*, chung yên).

Vì sao quẻ *Vị tế* lại ở sau quẻ *Kỷ tế* ? và lại đặt ở cuối

cùng kinh ? Bởi vì trước kia quẻ Ký tế thời đã cùng rồi, nhưng mà chết rồi có sanh, ngán rồi có thông, không thể nào cùng kiệt được, nên lấy quẻ Vị tế tiếp lấy quẻ Ký tế mà đặt ở sau cùng bộ Dịch.

Chúng ta đọc câu ấy, lại nhắc đến ba câu ở Hệ từ càng minh bạch được câu : Vật bất khả cùng... ở trên.

Hệ từ rằng : "Cùng tất biến, biến tất thông, thông tất cử".

Nghĩa là nhất thiết sự vật ở trong vũ trụ, thời tất phải cải cách; đã cải cách thời "cải cùng" đó quay ra thông, đã thông thời lâu dài hoài hoài.

Thâm ý của đức Khổng như mấy câu dẫn trên thời biết ngài chủ trương loài người chẳng tiêu diệt; mà sở dĩ chẳng tiêu diệt là vì trí khôn của loài người biết hợp đồng, hay biến thông.

Nhà sanh vật học nước Anh là ông Đạt Nhĩ Văn (DarWin), đầu tiên viết bài *Tiến hóa luận*, đại ý nói ở trong vũ trụ vô luận vật gì, do từ phân tử tế vi dần tiến lên hoài mà nhỏ hóa nên lớn, ít hóa nên nhiều, duy ở trong thì gian diễn tiến đó chuyên nhờ cây súc cạnh tranh, phía nào giỏi hơn là ưu, ưu thì chiếm phần thắng; phía nào kém là liệt, liệt thời chịu phần bại. Kết cuộc thời phương diện nào liệt bại, tất bị luật thiên nhiên đào thải, bao nhiêu loài liệt bại phải bị tiêu diệt mà ở trong vũ trụ chỉ duy có loài ưu thắng được sinh tồn hoài hoài.

Chúng ta trích lấy những câu tinh cảnh ở trong bài *"Tiến hóa luận"* có thể lấy tám chữ rằng : "Vật cạnh thiên trạch, thích giả sinh tồn". Nghĩa là vật với vật cạnh tranh nhau, nào ưu nào liệt, nào thắng nào bại đã có công luật của thiên nhiên kén chọn; chỉ duy giống nào ưu thích hợp với hoàn cảnh hiện tại để chinh phục được thế lực ngoại lai thời giống ấy mới được sinh tồn.

Chúng ta nhận kỹ tinh ý của nhà Tiến hóa luận thời biết

rằng loài người ở trong vũ trụ, nếu cứ tiến hóa hoài thời chắc những loài người nào thuộc về phần liệt bại, nhất thiết phải tiêu diệt. Muốn chứng thực cho lý luận ấy là không lầm, chỉ xem lịch sử Đông Tây, ta cũng vừa nêu một minh chứng.

Đông Dương ta từ thập lục thế kỷ về trước, văn đa số dân tộc ở chung nhau trong một vùng mé biển : Bắc đến Nam Quan, Nam đến Cà Mau; Tây đến bờ sông Cửu Long, Đông tiếp mé Nam Hải, tụ trung có nhiều nước nhỏ : nào Giao Chỉ, nào Việt Thường, nào Lạc Việt, Chiêm Thành, Lâm Ấp, nào Ai Lao, Cao Miên, Vạn Tượng... mà đến bây giờ trải qua mấy cuộc cạnh tranh ở trung gian, hoặc nước thời thực mất mà danh còn, hoặc nước thời danh với thực vẫn mất ráo. Bao nhiêu nước kể trên, hiện chỉ còn Việt Nam với Ai Lao, Cao Miên, tên nước vẫn còn thực mà tên trống rỗng trôi, mà xét về nhân chủng cũng đã cơ hồ tuyệt diệt. Thế thời công lệ thiên nhiên đào thải ở trong miệng ông Đạt Nhĩ Văn, có lẽ dự tri được thảm trạng của Đông Dương ta hay sao ? Vì thế mà chúng ta phải thừa nhận cái luật thiên nhiên, mà chúng ta càng nên sinh hoạt bằng cạnh tranh.

Tác giả viết đến đây không khỏi hoài nghi với những thuyết loài người chẳng tiêu diệt, mà rất đáng tin lại là thuyết luân hồi của nhà Phật. Chúng ta thử xem hiện thời nhân vật của chúng ta, nào là những hạng bán rẻ nòi giống, nào là những hạng xem đồng bào như cừu địch, họ cam tâm làm liệt bại để cho một ngày chôn nòi giống vào hầm đào thải. Bao họ chẳng phải loài người đó ư ? Không phải, không phải. Họ cũng vẫn là loài người. Nhưng mà xác thịt họ thời loài người của đời ngày nay mà linh hồn họ té ra loài người của đời ngày xưa, chắc có biết bao lũ ma Lâm Ấp, Chiêm Thành mà linh hồn luân hồi vào xác thịt người Việt Nam ta, cố làm cho nhân chủng chúng ta cũng tuyệt diệt như nhân chủng chúng nó để cho sướng cái lòng phục thù đó chứ.

Có xét đến luật nhân quả như thế thời biết câu "loài người

chẳng tiêu diệt", thiệt đúng lắm. Xin thử hỏi ma Chiêm Thành, Lâm Ấp mà còn luân hồi vào người Việt Nam, báo phục được cái thù Việt Nam, chẳng phải là xác thịt tiêu diệt mà linh hồn chẳng tiêu diệt hay sao ?

Tiết thứ hai

CÁC BỘ PHẬN THUỘC VỀ NHÂN LOẠI SƠ HỮU

Mục thứ nhất

Nhân thể (Corps Humain)

• Nhân thể nghĩa là thân thể của loài người, nhất thiết những cơ quan ở trong thân thể người ta mà thuộc về phần xác, thầy gọi là nhân thể.

Theo học thuyết ông Bá Lạp Đồ thời toàn vũ trụ chia làm hai thể giới : Một là thể giới cảm giác, hai là thể giới lý trí. Hai thể giới ấy gọi bằng Đại vũ trụ. Riêng về phần nhân loại cũng có hai thể giới : một là thể giới linh hồn, hai thể giới nhục thể. Hai thể giới ấy gọi bằng tiểu vũ trụ. Nhưng vì linh hồn tất phải ở gửi vào xác thịt. Khi loài người chưa đến chết thời xác thịt chính là "thành" "phủ" của linh hồn. Vậy nên mục trước phải giải về phần xác thịt, còn phần linh hồn sẽ giải sau.

Toàn bộ xác thịt phải chia làm hai phần : ngũ quan hình hiện ra ở bên ngoài, gọi bằng ngoại thể; ngũ tạng lục phủ giấu kỹ ở bên trong gọi bằng nội thể.

Ngũ quan là gì ?

- Một là quan mắt là mục chỉ quan, quan này chủ chức việc "xem, dòm", phân biệt được nhất thiết việc tốt xấu. Người mắt mù mà đến nỗi mất sức xem dòm, là quan ấy thất chức.

- Hai là quan tai là nhĩ chỉ quan. Quan này chủ việc "nghe, lắng", phân biệt được thanh âm của nhất thiết vật xa hay gần. Người nào tại điếc mà đến nỗi mất sức nghe lắng, là quan ấy thất chức.

- Ba là quan mũi là tị chỉ quan, quan này chủ chức việc "ngửi, hít", phân biệt hơi mùi của nhất thiết việc thơm hay thối. Người nào mũi tịt mà đến nỗi mất sức ngửi hít là quan ấy thất chức.

- Bốn là quan miệng là khẩu chỉ quan, quan này chủ chức việc "ăn nếm, nhai nuốt" được nhất thiết giống ăn, lại phân biệt được mùi ngon dở. Người nào miệng mất lưỡi mà chẳng nếm được mùi là quan ấy thất chức.

- Năm là quan tay chân, da vò, là xúc chỉ quan, quan này chủ chức việc động chạm, vừa hay tác dụng. Ở trong năm quan, quan ở tay chân, da vò, rất trọng yếu. Tác dụng của tai mắt, miệng mũi thầy phải phiên lụy đến xúc giác; bảo nó là bạn tốt của tai mắt, miệng mũi cũng được, mà bảo nó là tội tớ của tai mắt, miệng mũi cũng được. Người nào hu hỏng một chi thể hay bị té chết một đám bì phu là đến nỗi chẳng biết đau ngứa, là quan ấy thất chức.

Ở trong ngũ quan lại có lông râu mày tóc, tổng chi gọi bằng ngoại thể.

Tuơng có một câu hỏi : quan ở miệng cơ sao lại chẳng kể đến chức nói phô ? bởi vì ở trong thân thể người mà có miệng cũng vẫn dùng để nói phô, nhưng xét đến nguyên lý tổ chức nhân thể thời nói phô chẳng phải ở miệng, mà gốc quan hệ ở phổi. Có phổi mà hô hấp được khí ngoài, mới phun ra được tiếng nói. Quan ở miệng mà hay nói phô chỉ là thừa hành mệnh lệnh của phổi, chức trách nói phô không thuộc về miệng. Có một thuyết chứng minh rất rõ : loài vật hề giống gì không phổi thời chẳng hô hấp được khí ngoài, tuy có tri giác mặc dầu, cũng chẳng làm sao nhả nên tiếng như những loài vật ở dưới nước kia, nó há không miệng đâu ? Mà chúng nó sanh ra thời cam cho đến khi chết; sở dĩ giống chim hay gáy, giống thú hay kêu, mà giống cá tôm thời cam, đó là chứng rằng nói phô chẳng phải chuyên thuộc về công dụng của miệng.

Quan ở mũi có một đặc sắc là mũi có hai lỗ, một lỗ ở tả, một lỗ ở hữu. Hai lỗ chia công việc hai giờ, giờ trước tả thông thời hữu tắc, giờ sau tả tắc thời hữu thông. Vậy nên hai lỗ tai đồng thì nghe, hai con mắt đồng thì xem, mà hai lỗ mũi chẳng đồng thì ngửi. Hễ trong một ngày mười hai giờ, mỗi lỗ mũi chỉ chuyên chuông chúc ngủ sáu giờ.

Lại một lẽ rất nên biết : tạo vật phú đủ hình thể cho ta, tai mắt cái gì cũng hai, mà miệng chỉ có một; bởi vì tai mắt có công việc làm mà nó chẳng hao giờ ăn; duy miệng thời chỉ cung cấp công việc ăn mà không công việc làm. Giả như miệng hai cái thời đồ ăn trong vũ trụ không thể nào cấp cho đủ; nên Trời đất sinh ra người chỉ đúc cho một miệng, mà tai mắt phải đúc cho mỗi thứ hai cái là ý tạo hóa muốn cho chúng ta bớt phần ăn mà siêng phần làm. Kìa nhu những loài chỉ hay ăn mà chẳng hay làm chắc là thân tạo vật rất ghét. Tục ngữ có câu : "Lỗ miệng tú hú ăn lỗ rú lỗ rí". Một miệng mà còn thế, ai giám đúc cho hai miệng nữa u ?

Lại một cơ nữa : loài người sở dĩ có tài năng trí thức là nhờ ở tai nhiều sức nghe, mắt nhiều sức thấy; chủ lỗ miệng chỉ dùng để nói phô, nói phô thời càng ít càng quý. Vậy nên tai mắt phải hai cái, mà miệng chỉ một cái mà thôi.

Chúng ta nghĩ đến đó càng nên nghe thấy trông cho nhiều, mà nói phô cần phải ít. Đúc Khổng Tử có câu : "Quân tử dục nột u ngôn nhi mãn u hành". Nghĩa là người Quân tử muốn dần dốt về phần nói mà siêng năng về phần làm, cũng chỉ là xét đến lẽ ấy.

Ngũ tạng là gì ? - Tâm là quả tim; can là gan; tỳ là mề; phế là phổi; thận là trái cật.

Năm cái ấy là húng đỡ những đồ vật mà ngũ quan chuyển đưa đến; tượng một cái kho tàng trữ loài quý báu cho loài người, nên gọi bằng ngũ tạng (tạng là kho).

Ngũ tạng lại làm năm vị chủ sửi cho ngũ quan. Ngũ quan tác dụng những cái gì phải nhờ sức chủ động của ngũ tạng. Vậy nên tỳ mạnh thời miệng mới ngon ăn; can mạnh thời mắt mới được tỉnh; tai với mũi thời nhờ ở sức tâm thận; thanh âm ở miệng lưỡi lại nhờ ở sức phổi. Sanh lý học tuy vẫn chia quan, tạng làm hai thể, ở trong nguyên tắc quan với tạng vẫn nhất thể liên quan nhau, các nhà vệ sinh học, bệnh lý học càng nên chú vào chốn ấy.

Ở trong ngũ tạng, tâm tạng là bộ phận rất trọng yếu. Công dụng của tâm tạng, không những khu xử được xác thịt mà lại càng trừ được linh hồn. Vậy nên triết học gia ở Đông phương lấy tâm tạng gia nhập vào ngũ quan. Sách *Mạnh Tử* có nói : "Nhĩ mục chi quan, bất tỳ nhi tế u vật, vật giao vật tác dẫn chi nhi dĩ hĩ. Tâm chi quan tác tỳ; tỳ tác đắc chi, bất tỳ tác bất đắc dã. Thù thiên chi sở dĩ ngã giả". Nghĩa là chức quan của tai mắt chẳng biết nghĩ nên thường bị vật chất ở ngoài che lấp. Vật chất ở ngoài tiếp xúc với vật chất ở trong thời kéo dài tai mắt đi theo nó; chỉ duy có tâm của người ta, chức quan nó chuyên về việc nghĩ, khi nó nghĩ thời đạo lý gì hay tức khắc được nghe. Chỉ lúc nào nó quên lũng chẳng nghĩ thời mới chẳng được. Cũng chức quan mà chức quan ở tâm là lớn nhất. Trời sẵn phú đủ cho ta. Sách *Tuân Tử* có nói rằng : "Tâm cu trung hu dĩ tự ngũ quan". Thầy Mạnh cũng nhận tâm là một quan ở chính giữa hu không để thống trị ngũ quan.

Theo như thuyết Mạnh, Tuân thời tâm cũng là một quan trong ngũ quan. Nhưng chữ "tâm" của hai thầy nói là thuộc về tinh thần mà chẳng phải thuộc về xác thịt. Vậy nên mục này chỉ nên đặt tâm ngũ quan.

Lại theo như thuyết nhà Phật thời nhĩ, nhĩ, tỳ, thiết, thân, gọi là ngũ quan (ngũ căn) cũng gọi là ngũ khí. Mắt là đồ để xem, tai là đồ để nghe, mũi là đồ để ngửi, lưỡi là đồ để nếm, bì phu là đồ để sờ mó, cảm biết. Năm đồ ấy thông với thần

kinh ở não, nên cũng gọi là ngũ giác khí.

Tuy nhiên, Phật gia cho những đồ ngũ quan chỉ cung cấp tài liệu cho loài người làm việc ác. Vì có mắt mà ham dâm sắc, có tai mà ham dâm thanh, có mũi mà ham mùi hương, có lưỡi mà ham ăn miệng ngon, có thân mà loài người ham làm việc tội ác. Vậy nên nhà Phật đem ý cặp với ngũ quan mà gọi là lục tác nghĩa là tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý tổng chỉ là lũ giặc của loài người. Nên Phật học rất ghét xác thịt, tuy trái với tu tưởng nhà nho, nhưng xem tu tưởng loài người ở đời nhất thiết tội ác hoàn toàn do ngũ quan mà đẻ ra, bảo rằng năm loài giặc cũng đáng.

Đạo gia Lão Tử nói rằng : "Ngũ sắc linh nhân mục mãnh, ngũ thanh linh nhân nhĩ lung, ngũ vị linh nhân khẩu sáng, tri sinh diệt lap linh nhân tâm phát cuồng".

Nghĩa là : năm sắc khiến người mắt mù, năm tiếng khiến người tai điếc, năm mùi khiến người miệng bệnh, sản bán dơ ruối khiến người ngồng dại. Thuyết ấy của Đạo gia cũng in nhu thuyết của Phật gia, cũng nhận xác thịt làm tướng giặc.

Chúng ta bài xích thuyết Phật, Lão thời trước nên lo làm sao cho ngũ quan của ta chỉ thấy là chủ nhân mà không phải là lũ giặc.

Nội thể của người ta lại có một bộ phận cặp theo ngũ quan làm bộ máy tiêu nạp và bài tiết gọi là lục phủ.

Lục phủ là gì ?

Một là vị : dạ dày; hai là đại trường : ruột lớn; ba là tiểu trường : ruột nhỏ; bốn là đờm trái, mật; năm là bàng quang : bong bóng đựng tiểu; sáu là tam tiêu (thượng tiêu, trung tiêu, hạ tiêu). Sáu cái ấy chuyên đưa những đồ ăn từ miệng lưỡi chuyển vào như là cái kho ở trong thân người, nên gọi là phủ.

Tựu trung lục phủ, duy có cái kho "đờm" công dụng rất

lớn chuyên thu trữ về phần khí mạnh dạn của người ta. Người nào chẳng sợ hãi gì gọi bằng đại đờm; người nào hăng hái vì việc nghĩa gọi bằng can đờm; người nào dũng cảm mà có mưu mẹo gọi là đờm lược hay đờm thức. Nếu người nào nhát gan hay sợ hãi chẳng dám làm việc nghĩa gọi là người đờm chết cũng như vô đờm.

Xưa ông Tôn Tử Điều có câu rằng : "Đờm dục đại nhi tâm dục tiểu". Nghĩa là trái mặt muốn cho thật lớn mà lòng nghĩ muốn cho thật nhỏ. Đờm với tâm thường cặp đôi làm công dụng lớn nhất trong tạng phủ.

Như trên ấy kể, ngũ quan, ngũ tạng, lục phủ, tổng chỉ là thể chất của người ta. Nhưng sở dĩ nuôi được thể xác của người ta là nhờ có mạch máu. Mạch máu của người ta kể có bốn thứ gọi là tứ dịch.

Tứ dịch là gì ?

Dịch nghĩa là lỏng, máu lỏng ở trong thân người ta coi bằng dịch. Nước vàng là máu ú mật ra; nước trắng ở óc chảy ra như nước mắt; nước mũi, kinh nguyệt của đàn bà cũng là giống ấy. Lại còn có một thứ nước ở phổi chảy ra gọi là bằng đờm. Bốn giống nước ấy mà trái mất thường lệ như đờm lại đen, máu lại trắng là người có tật bệnh. Nhà sinh lý học đã nói kỹ, đây chỉ nói đại lược.

Bàn tóm lại, tạo vật đúc thân thể cho ta, có ngũ quan để sử dụng ở bề ngoài; có ngũ tạng để tính toán sắp đặt ở bên trong; có lục phủ để tiêu nạp những đồ ăn uống; lại có tư dịch để dùng mà thấm nhuần ngũ tạng, mà ngũ quan cũng nhờ nó mà đầy đủ sức nuôi. Khổ tâm của trời đất đúc nắn ra người vẫn đủ thập phần chu đáo. Nhưng há phải chỉ thể mà thôi. Quý trọng nhất là ngoài cái xác thịt ra, tạo hóa lại phú cho ta cái linh hồn (linh hồn ở đây là thay cho chủ tinh thần). Bởi vì có linh hồn thời xác thịt mới thành ra giống có trí giác, tri giác của người ta chia làm mấy loại như các mục sau này :

Mục thứ hai

Nhân tính (Caractères Humains)

Giải thích chữ (Nhân Tánh) trước cần phải cắt nghĩa chữ (Tánh) cho minh bạch : chữ (Tánh) ở Hán văn theo cách đặt chữ thời bên tả chữ (Tâm) bên hữu chữ (Sanh) tâm của người ta từ bắt đầu mới đẻ ra đã sẵn như thế thời gọi là *tính*.

Hán Nho ông Lưu Hượng cũng nói : (Tính sanh nhi nhiên giả dã) tính người lúc mới đẻ đã sẵn như thế.

Thầy Đồng có câu : "Sanh chi tự nhiên nhi tu, vị chi tính". Nghĩa là người mới sinh mà đã có tu chất tự nhiên gọi bằng tính.

Xưa nay học thuyết thuộc về nhân tính, các nhà triết học ở Á Đông bàn bạc rất mâu thuẫn với nhau.

Thầy Mạnh chủ trương tính thiện, bảo tính người lành.

Thầy Tuân chủ trương tính ác, bảo tính người dữ.

Thầy Đồng chủ trương tính tam hữu phẩm. Bảo tính người có ba hạng : hạng rất cao thời tính chỉ có lành mà không dữ; hạng rất thấp thời tính chỉ có dữ mà không lành; duy hạng trung thời tính vẫn có chất lành mà cũng pha vào chất dữ, hay là tính vẫn có chất dữ mà vẫn pha vào chất lành.

Ngoài nữa như Dương Hùng, Lưu Hương, Vương Sung thầy chủ trương tính người là thiện ác hỗn. Duy có phái học thuyết Vương Dương Minh thời lại nhất thiết chủ trương tính thiện, in như lời thầy Mạnh. Vấn đề ấy đến bây giờ còn tranh biện phân vân. Bởi vì Nho gia nói chữ "tính" trong ấy vẫn hàm chữ "tâm" với chữ "tính". Chuyên nói về tâm thời phần nhiều là lành; chuyên nói về nhân tính thời phần nhiều là dữ. Theo thuyết Thầy Mạnh chủ trọng về nhân tâm, nên có những thuyết tứ đoan như thuyết lương tri lương năng.

Thuyết tứ đoan là nói ở trong lòng người ta có bốn mối

lành cũng gọi là bốn tính : thương yêu người là mối nhân; biết xấu then là mối nghĩa; biết từ nhượng là mối lễ; biết phân biệt điều phải điều trái là mối trí.

Từ thầy Mạnh trở về sau, Nho gia nói tính người chẳng bao giờ bỏ nhân, nghĩa, lễ, trí, mà rất quý trọng là hai chữ "nhân nghĩa" và lại chữ "trí" cũng cần thiết lắm.

Thầy Đồng có nói rằng : "Nhân chi vi ngôn, nhân dã, nghĩa chi vi ngôn, nghĩa dã. Nhân chi pháp tại ái nhân, bất tại ái ngã; nghĩa chi pháp tại chính nghĩa, bất tại chính nhân. Ngã bất tự chính, tuy năng chính nhân, bất dữ vi nghĩa; nhân bất bị kỳ ái, tuy hậu tự ái bất dữ vi nhân". Nghĩa là chữ "nhân" là cốt ở thương người, nên chữ "nhân" có chữ "nhân" đứng một bên; chữ "nghĩa" là cốt ở chính mình ta, nên nửa dưới chữ "nghĩa" có chữ "ngã". Thế thời khuôn mực làm nghĩa cốt ở thương người chẳng phải ở thương mình, khuôn mực làm nghĩa cốt ở chính mình, chú chẳng phải chính người. Giả như tự thân mình chẳng chính, thời tuy hay lấy quyền lực ép người được chính những cũng chẳng gọi bằng nghĩa được. Người chẳng được nhờ mình thương yêu, thời tuy mình tự thương yêu mình đầy đủ cũng gọi là nhân được. Tuy nhiên người có tính nhân tính nghĩa mà thiếu tính trí thời nhân nghĩa cũng hỏng ráo. Đức Khổng đã dạy người "Háo nhân bất học kỳ tế dã ngu". Nghĩa là người có lòng ham làm nhân, nếu chẳng ham học cho đủ trí khôn thời lòng nhân đó che lấp mình mà mình thành ra ngu.

Thầy Đồng cũng có nói rằng : "Mạc cận u nhân, mạc cấp u trí, bất nhân nhi hữu dũng lực, tài năng, tác cuồng nhi tháo lợi binh dã. Bất trí nhi biện tuệ, hoãn cấp, tác mê nhi thừa lương mã giả". Nghĩa là thân thích với người chẳng gì bằng nhân; còn kíp cho người chẳng gì bằng trí. Nếu không có nhân mà có sức mạnh tài hay, thời chẳng khác gì người điên mà cầm gươm sắc vậy; nếu không có trí mà có tài lanh miệng, thạo vật thời cũng như người mù cỡi ngựa hay vậy.

Gần đây những người "Tây học võ" họ cho nhân, nghĩa là đồ vô dụng, mà họ lại nhân làm những kẻ khôn ngoan vất là trí; nếu đem học thuyết Mạnh, Đổng mà nói với họ, chắc họ cho ngay một tiếng "xù".

Xin thử nghĩ : giả như có một hạng người kia, tự họ ăn rất ngon, mặc rất đẹp, ở rất sang, chơi rất khoái lạc, nhưng những người chung quanh họ chết đói cả bấy, chết rét cả lũ, mà họ chẳng hề liếc mắt đến.

Lại giả như có một hạng người kia họ ăn trộm cả đất nước người, ăn cướp nhân dân tài sản của người, rồi họ lại đặt ra pháp luật canh những người xung quanh họ ăn cướp. Như hai hạng người trên ấy, nhân hay bất nhân, nghĩa hay bất nghĩa, thấy kẻ họ, nhưng chúng ta liệu có thể sống chung giữa đám người ấy được hay không ? Ai là nhà "Tây học võ" cho tôi thỉnh giáo câu ấy.

Lại về phần tính trí, chúng ta vẫn biết trí là khôn, thế mà chúng ta chẳng khôn bằng "thị phi chỉ tâm", mà chúng ta lại khôn bằng biện tuế, hoãn cấp, thời chúng ta chẳng nhu câu "mê nhi thừa lương mã" hay sao ? Thôi ! Thiên vận chúc cho người ta khôn, nhưng phải nhớ câu "háo học..." của đức Khổng.

Người muốn cho thiết khôn, tất phải học văn kinh nghiệm, chẳng học kinh nghiệm mà làm những cái khôn như người đã nói trên ấy, chẳng phải nhu câu "háo bất háo học kỳ tế giả ngu" hay sao ?

Đến như học thuyết thầy Tuân chủ trương tính ác là chuyện trong về phần tính người. Tính người thời không thể không dục... Đã khuynh hướng về phía dục, tất bắt buộc tính người đi vào đường ác. Người xưa có câu : "Nhân dục thắng, thiên lý vong". Nghĩa là nhân dục đã chiếm phần hơn, thời chân lý tất đến mất ráo. Vậy nên nói tính mà chỉ theo về phía tình, chẳng sao được? Xin chúng vào lời Cáo Tử : "Thực sắc, tính dã". Nghĩa là miệng

ăn miếng ngon, mắt ham sắc đẹp là tính tu nhiên.

Thầy Tuân vì thế mà dám quả quyết rằng : "Kiệt Trụ tính dã Nghiêu Thuấn nguy dã". Nghĩa là cuồng như Kiệt Trụ là thuận theo nguyên tính, Thánh như Nghiêu Thuấn là lấy sức người mà uốn nắn tính ra thiện.

Chữ "nguy" ở đây chớ nhận làm chữ "nguy" là giả dối : nguy chỉ nghĩa là sức người làm. Xem chữ "nguy" một bên chữ "nhân" một bên chữ "vi" thời hiểu được ý thầy Tuân, nên sách Tuân Tử đã nói rằng "bất khả học bất khả sự nhi tại thiên giả vi chi tính; khả học khả sự nhi thành nhi tại nhân giả, vi chi nguy ?"

Nghĩa là không thể học được, không thể làm được mà nguyên ở Trời bày đặt gọi bằng tính có thể học mà hay, có thể làm mà nên, mà quyền ở người ta mà ra gọi bằng nguy.

Theo ý ấy thời thuyết tính ác của Thầy Tuân cũng chẳng phải chẳng đúng !

Các nhà Triết học Tây phương bàn về tính người cũng chia ra làm hai phái :

Nguyên đầu Triết học nước Nhã Điển là ông Tô Cách Lạp Đề (Socrate) nói : Đạo đức người ta tự thiên nhiên sẵn có rồi chẳng cần chờ giáo dục. Giáo dục chẳng qua như cách đỡ đỡ của mẹ đỡ. Con người ta đã sẵn rồi mà mẹ đỡ chỉ đỡ lấy. Giáo dục cũng chỉ ngăn ấy, chẳng phải ở ngoài nhân tính mà có thêm vào giống gì.

Thuyết ấy hoàn toàn chủ trương tính thiện. Ông Bá Lạp Đồ (Platon) cũng nói rằng : những toàn trí thức thuộc về lý tưởng chúng ta trước khi lọt lòng mẹ ra chắc đã được sẵn rồi. Câu nói ấy in như thuyết lương tri của thầy Mạnh. Thầy Mạnh nói : "Nhân chỉ sở bất lự nhi trí chi kỳ lương tri dã".

Nghĩa là những cái chuyện người ta chẳng cần ngẫm nghĩ

mà tự nhiên biết ngay tức là lương tri (lương tri nghĩa là cái sức biết tốt lành).

Xem thế, thời biết các nhà Đại Tây Triết vẫn cũng nhận tính người là hoàn toàn lành mà những phái duy tâm luận ở gần đây thấy phát huy thuyết ấy.

Trái lại có một phái là ông Ty Thúc Túc Mã Khắc Tuy (Thrasymachus) nói rằng : trong tính của người nguyên lai không chính nghĩa; những việc chính nghĩa, tất thấy do kẻ mạnh phát minh ra. Bởi vì sau khi kẻ mạnh đã chinh phục được phái yếu sợ phái yếu phản kháng nên bày đặt ra những môn đạo đức để trói buộc bọn yếu.

Lại có ông Gia Ly Khả Ly Tây (Calyers) nói rằng : Những việc chính nghĩa tất thấy là bọn yếu phát minh, bởi vì những bọn yếu sợ kẻ mạnh làm hại đến mình nên bày đặt ra những môn đạo đức để làm cái bờ tự vệ.

Hai thuyết ấy tuy vẫn có khác nhau nhưng tổng chi đều bảo đạo đức do người ta bày đặt, chẳng phải thiên nhiên sẵn có in như thuyết thầy Tuân. Thầy Tuân có nói : "Nhân chi tính ác, kỳ thiện giả, nguy dã".

Nghĩa là nguyên tính của người ta vẫn ác, cái thiện chỉ do ở sức người làm.

Phái duy vật luận ở đời sau cũng dựa theo hai thuyết ấy mà chủ trương tính ác.

Bàn tóm lại học thuyết về tính người vô luận Đông hay Tây thấy có các thuyết mâu thuẫn với nhau. Theo như thiên kiến của tác giả thời xin nhận định một câu nói của đức Khổng là rất đúng : "Tính tương cận dã, tập tương viễn dã; duy thượng trí dư hạ ngu bất dĩ". Nghĩa là lòng người ta ở khi mới đẻ ra mà gọi bằng tính, thời chẳng ai tuyệt đối hơn, cũng chẳng ai tuyệt đối kém, chỉ xê xích gần với nhau mà thôi. Nhưng vì sau

khí người đã ra đời, hoặc vì tập tục của xã hội, hoặc vì tập quán của hoàn cảnh, mà gọi bằng "tập"; tập tốt ngày càng tốt thêm; tập xấu ngày càng xấu thêm, lúc ấy mới thấy người với người trình độ cách xa nhau.

Suy lẽ trên thời người có thiện ác, chỉ vì cái tập hay đời đổi được người. Tục trung cũng chỉ có hai hạng, một hạng gọi bằng thượng trí là tuyệt đối thiện, một hạng gọi bằng hạ ngu, là tuyệt đối ác, hai hạng ấy thời đầu tập những gì cũng chẳng đời đổi được. Nhưng mà ở trong loài người thật rất hiếm hai hạng người ấy.

Đầu sách TRUNG DUNG lại có hai câu : "Thiên mệnh chi vị tính, suất tính chi vị Đạo". Nghĩa là lúc đầu Trời phú dữ cho ta thời gọi bằng tính, tính chỉ là một bộ máy tự nhiên, có sức làm được thiện, cũng có sức làm được ác; người ta hay suất sử dụng tính mà đem dặt nó củ một mục đi vào đường tốt thời gọi là Đạo.

Chúng ta hãy xem kỹ hai thuyết trên ấy, thời biết rằng người ta mà tốt lành là cần nhờ có công phu suất sử mà sở dĩ suất sử được tính, tất nhờ có công phu luyện tập. Công phu luyện tập há phải một mình cô lậu mà nên đâu ! tất phải nhờ vào xã hội hoàn cảnh. Nếu xã hội hoàn cảnh xấu mà một mình muốn tập làm tốt thời biết tập theo ai, mà tập ở đâu ? Vậy nên chúng ta muốn cải lương cá nhân, trước phải lo cải lương hoàn cảnh với xã hội.

Sách Mạnh Tử có một thí dụ rất hay : Có một quan đại phu nước Sở muốn con mình học tiếng nói nước Tề, thời khiến người nước Tề làm thầy dạy nó, hay là khiến người nước Sở làm thầy dạy nó ? Tất phải khiến một người nước Tề làm thầy dạy nó chứ. Một người nước Tề làm thầy dạy nó, nhưng cả bấy người nước Sở cứ òn ào xung quanh nó thời tuy ngày ngày đánh nó, bắt nói tiếng nước Tề, chắc không thể được. Bấy giờ dặt nó ra đặt ở một khoảng đất Trảng Nhạ là đất nước Tề ước

chúng vài năm, thời tuy ngày ngày đánh nó mà tránh nó nói tiếng nước Sở cũng chắc không thể được vậy. Xem lời thí dụ ấy thời cái sức xã hội hoàn cảnh dồi dào được người thiệt rất mạnh.

Chúng ta bây giờ đem một thân vào xã hội hoàn cảnh này, xã hội hoàn cảnh đã có ác liệt như thế, nếu chúng ta chẳng gấp lo tìm cách cải lương, mà cứ ngày ngày đêm đêm muốn cho cá nhân được tốt đẹp, đầu lý luận hay thế nào, nhưng cái sự thực "nhất Tề, chúng Sở" kia, thiệt quá khốn nạn. Vậy nên chúng ta ở đời này, muốn cho tính người được tốt lành, thời điều kiện thứ nhất là trước phải làm thế nào cho tính xã hội được tốt lành. Nghĩa là trước cải lương ở chốn tập rồi sau mới cải lương được tính.

Mục thứ ba

Nhân dục (Désir humain)

Lòng người gốc ở tính, đã có tính tất có tình. Tình người ta có bảy điều là : mừng, giận, thương, sợ, yêu, ghét và ham muốn.

Sách LỄ KÝ thiên *Lễ Vận* có câu : "Hà vị thất tình hỷ, nộ, ai, cụ, ái, ố, dục, thất giả, phát học nhi năng" nghĩa là những cái gì gọi bằng tình người là : mừng, giận, thương, sợ, yêu, ghét và ham muốn, bảy cái ấy sẵn có trong lòng người, chẳng phải học mà biết vậy.

Sách nhà Phật cũng nhận bảy cái ấy là thất tình. Nhưng vì sao Nho Phật kể thất tình mà đều để tình dục ở sau hết ? Bởi vì tình dục là chủ động ở trong 7 cái mà lại là kết quả của 6 cái trên. Ham muốn mà được như ý thời mừng; ham muốn mà chẳng được như ý thời giận. Cái sẵn ham muốn mà bỗng chốc mất đi thời thương; cái chẳng ham muốn mà thỉnh linh đưa đến thời sợ; cái ham muốn sẵn mà thấy thời yêu; cái chẳng ham muốn mà thấy thời ghét. Tổng chỉ sáu cái ấy động cơ ở

tình dục. Vậy nên chỉ nói hai chữ "nhân dục" là bao bọc được hết tình cảm của người.

Tuy nhiên dục có tốt có xấu; chỉ theo bên dục tốt thời tình dục ở trong loài người là công chi thủ; chuyển theo bên dục xấu thời tình dục ở trong loài người là tội chi khôi.

Thầy Mạnh nói : "Khả dục chi vi thiên" nghĩa là ham muốn những cái đáng ham muốn thời gọi là thiên.

Đức Khổng cũng có nói : "Dục nhân nhi đắc nhân; huu yên tham". Nghĩa là : tình dục vẫn dính với lòng tham, nhưng mà ham muốn làm việc nhân mà được việc nhân. Có gì là tham? Ngài lại nói rằng : "Tùng tâm sở dục bất du cử". Nghĩa là theo những điều ham muốn ở lòng mình chẳng có điều gì vượt qua khuôn phép.

Dục mà được như câu trên ấy thời là dục tốt.

Trái lại sách LỄ KÝ nói : "Tiểu nhân lạc đắc kỳ dục, dĩ dục vong đạo tắc hoặc". Nghĩa là bọn tiểu nhân chỉ vui được thỏa lòng ham muốn của mình; chỉ vì lòng ham muốn mà quên Đạo phải để đến nỗi mê lầm. Dục mà như thế là dục xấu.

Sách LỄ KÝ lại có một đoạn nói đạo lý rất tinh thâm :

"Nhân sinh chi tính, thiên chi tính dã; cảm u vật nhi động, tính u dục dã; vật chi cảm nhân vô cùng, nhi nhân chi báo ố vô tiết; tắc thị, vật chi nhi nhân hóa vật giả dã; nhân hóa vật giả dã, diệt thiên lý nhi cùng nhân dục giả dã". Nghĩa là loài người khi mới sanh mà tâm thể trong lặng, là tính thiên nhiên; đến khi cảm với vật chất mà tâm thể nảy ra hoạt động, là tình dục ở trong tính. Vật chất cảm xúc với người chẳng bao giờ cùng, mà lòng ham lòng ghét của người ta không dè dặt thời té ra vật đến với người mà người hóa ra vật vậy. Người hóa ra vật, tức là diệt hết thiên lý mà cùng cực nhân dục vậy.

Như câu trên, thấy là tình dục thuộc về phần xấu. Lại có

một đạo lý mà chúng ta càng nên biết lắm : tình dục có phần bé vừa hẹp, có phần lớn vừa rộng.

Sách TẢ TRUYỀN : "Thánh nhân dĩ nhân đồng dục". Nghĩa là bậc Thánh nhân cùng với tất cả mọi người chung một lòng ham muốn.

Sách THUẬN THU : "Nhân chi sở dục, thiên tất tùng chi" nghĩa là những cái gì mà cả thầy loài người đều ham muốn thì trời tất nghe theo.

Theo câu trên, ham muốn mà chung cộng với tất cả mọi người thành ra Thánh nhân. Câu dưới, ham muốn mà thuận theo lòng tất cả mọi người thì người tức là Trời. Tình dục mà được như thế, rộng, biết chừng nào !

Xưa đức Khổng Tử nói chí nguyện của Ngài rằng : Lão giả an chi, bằng hữu tín chi, thiếu giả hoài chi". Nghĩa là dục vọng của ta là muốn cho tất cả người già thấy được an toàn, tất cả bạn bè với mình thấy đều tin thật nhau, tất cả trẻ thơ bé đều được mình ôm ấp.

Tình dục chúng ta mà thiệt được như dục vọng đức Khổng thời bảo rằng tình dục là kho tàng của muôn việc lành cũng chẳng phải là quá đáng.

Như trên ấy kể là tình dục thuộc về lớn và rộng. Trái lại có dục xấu như sách Tả Truyền nói : "Dĩ nhân tùng dục tiền tể". Nghĩa là bắt buộc tất cả mọi người theo lòng dục riêng của mình, ít việc gì nên. Đức Khổng nói : "Tiểu nhân hoài thổ", "Tiểu nhân hoài huệ" (Bọn tiểu nhân chỉ ham muốn, đắm ăn chốn ngồi của mình, và những ân lộc của người ta cho mình).

KINH DỊCH, quẻ Dịch, hào Sơ Cửu : "Xá nhi linh quý, quan ngã, đoá di, hung, Tượng viết : Quan ngã đoá di, diệc bất túc quý dã". Nghĩa là anh Sơ Cửu nặng lòng tham dục, thấy người có quyền thế mà trọc trâm nương dựa vào người, nó hy

sinh những tính tốt của mình mà nịnh hót với Lục Tú. Lục Tú cười nói rằng : Mày bỏ cái đáng quý của mày là con rùa thiêng, mà mày xem thấy ta thong cầm mép xuống lá lem muốn ăn. Tình dục như thế thật quá bẩn thỉu. Nên Tượng truyện lại nói. Kia anh quan ngã đoá di, thiệt cũng chẳng lấy gì đáng quý nữa.

Tình dục có nhỏ hẹp với rộng lớn khác nhau như trên kể, nên đức Khổng dạy ta làm nhân mà nói rằng : "Kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân" nghĩa là mình muốn đứng vững thời giúp đỡ cho người được đứng vững. Mình muốn thông suốt thời kéo dắt cho người được thông suốt. Là ý Ngài muốn cho tình dục ta được rộng lớn đó vậy.

Học thuyết Âu châu nói đến nhân dục, cũng chủ trương có hai phương diện : một phương diện thì chỉ trông mong vào hạnh phúc, lợi lớn của mình gọi bằng lợi kỷ chủ nghĩa mà cũng gọi bằng ái kỷ chủ nghĩa; một phương diện lại trông mong cho tăng tiến hạnh phúc của tất cả mọi người gọi là lợi tha chủ nghĩa hay là ái tha chủ nghĩa.

Thuyết ái kỷ chủ nghĩa (Egoisme) người sáng thủy ra là ông A Ly Ty Pha (Aristippus), người nước Hy Lạp, thuyết này cũng giống như thuyết vị ngã của Dương Chu ở Đông phương.

Thuyết ái tha chủ nghĩa (Altruisme) người sáng thủy là ông Auguste Comte người nước Pháp, thuyết này cũng như thuyết kiêm ái của Mặc Dịch.

Góp xem hết các thuyết như trên ấy, thời chúng ta phải nhận rằng : nhân dục có tốt, có xấu, có rộng có hẹp. Dục rất chật hẹp là câu : "Âm thực nam nữ, nhân chi đại dục tổn yên" Chỉ ham muốn trai, gái ăn uống. Dục rất rộng lớn là câu : "Dục dục tá hữu dân, Du dục tuyên lục tứ phương", và câu : "Dục tịnh sanh tài". Nghĩa là muốn phù trì giúp đỡ cho tất cả thầy nhân dân; ta muốn dùng hết sức mình ở việc bốn phương; muốn cho nhất thiết mọi người đều được vui vẻ về sự sống.

Hễ lòng mong muốn của người ta càng rộng lớn thời càng tốt, càng chật hẹp thời càng xấu. Dục vọng lớn mà tốt, thời dục là cơ quan cho muốn việc ác.

Chúng ta làm người, cần kén chọn mà nhận rõ phía nào nên theo.

Nay chung vào một bài lời thầy Mạnh dạy : "Ngu ngã sở dục dã, hùng chương diệt ngã sở dục dã, nhị giả bất khả đắc kiêm xả ngu nhi thủ hùng chương giả dã. Sanh ngã sở dục dã nghĩa diệt ngã sở dục dã; nhị giả bất khả đắc kiêm xả sanh nhi thủ nghĩa giả dã".

(Sách *Mạnh Tử* thiên *Cáo Tử Thượng*). Nghĩa là ví như có hai món đồ ăn, một món cá là thú ngon, ta vẫn muốn ăn, lại một món là bần chân gấu ngon hơn cá và hiếm cổ, cũng vẫn muốn ăn, nhưng nếu trong một trường hợp hai món ấy không thể được cả hai, ta phải cân nhắc trong hai món ấy, quyết bỏ cá mà lấy chân gấu. Lấy việc ấy mà suy ra xác thịt, sống vẫn là lòng ta muốn, việc nghĩa lại cũng là lòng ta muốn; nếu đụng một trường hợp giữ được sống, thời hồng mất nghĩa, giữ được nghĩa thời hồng mất sống, ta mới cân nhắc trong hai lẽ ấy, nhất định bỏ xác thịt sống mà lấy nghĩa.

Nghiêm lời thầy Mạnh trên thời biết rằng những việc là điều hay của người xưa ở trong lịch sử, thấy đều vì lòng dục vọng mà nảy ra, bà La Lan Mme Rolland) nước Pháp há phải chẳng ham muốn sự sống đâu ? Mà có sao lại gieo thân vào đảng Cách mạng, kết quả phải lên đoạn đầu đài ? Là vì dục vọng của bà cốt muốn cho nhân dân nước Pháp được hoàn toàn tự do. Nước Pháp đến nay thành ra nước Cộng Hòa Dân Chủ, chính lòng dục của bà La Lan có công lớn đó vậy. Bảy mươi hai liệt sĩ nước Trung Hoa, há chẳng biết sự sống là đáng ham muốn sao ? Mà có sao từ lâu mà bị kẻ khác cướp mất từ bao giờ. Tương lai con cháu chúng ta có năng lực gì khôi phục được hay không, việc ấy chưa biết. Duy hiện tại như thường chúng

ta, mà thú nhất lại là tác giả thời chỉ có thờ vắn than dài mà nói rằng : "Cha ôi ! Cha ôi ! Nhân cách ta ở đâu ? Nhân cách ta ở đâu ?".

Đến như nhân cách thuộc về nghĩa thú ba thời sách vở Thánh hiền xưa rất chú trọng, mà tụy trung người với người nhân cách cũng có tăng thứ bước lên lần.

Đức Khổng Tử có nói : "Thánh nhân, ngô bất đắc nhi kiến chính hỷ; đắc kiến quân tử dã khả hỷ, thiện nhân, ngô bất đắc kiến chi hỷ, đắc kiến hữu hăng giả tu khả hỷ". (Sách *Luận Ngữ*, thiên *Thiên nhi*) Nghĩa là cách thức làm người vẫn có bốn bậc: nhất là bậc Thánh nhân là bậc trội nhất ở trong loài người, ta chẳng được trông thấy người ấy, may phũ cho ta là được thấy người quân tử là người thứ hai cặp với Thánh nhân là vừa thỏa thích lòng ta rồi. Còn một hạng người có thể tiến lên làm quân tử mà gọi bằng thiện nhân, ta hiện tại cũng chẳng trông được người ấy, nhưng còn trông mong có một hạng người có lòng chân thật, có sức bền dai, mà gọi bằng hữu hạng như ta bây giờ mà được mắt thấy người ấy cũng đã thỏa lòng chút đỉnh.

Thầy Mạnh cũng có nói : "Khả dục chi vị thiện, hữu chu kỳ chi vị tín; sung thực chi vị mỹ, sung thực nhi hữu quang huy chi vị đại; đại nhi hóa chi vị Thánh, Thánh nhi bất khả tri chi vị Thần". (Sách *Mạnh Tử*, thiên *Tân tâm hạ*). Nghĩa là kể cách thức làm người, công phu có khó dễ, tăng thứ có trước sau, nhưng mà ai nấy cũng có thể lần lần đến nơi. Bắt tay làm thiện nhân, người ấy ham muốn những gì, thấy là những việc mà đáng ham muốn, ấy là người có đức lành. Đã có đức thiện ấy giữ cho bền, tu cho trọn, khiến cho những điều lành thành ra những vật sở hữu của mình gọi bằng người có đức tín : tín nhân. Đức thiện đã sẵn có rồi mà lại chứa chất vào mãi mãi, cho đến một ngày rất đầy đủ giàu nhiều, có chất lại có văn, có thể lại có dụng, được sung thực như thế, gọi là người có tài tốt (mỹ nhân). Có đức thiện, đức tín có tài mỹ, sau khi đã sung thực rồi mà lại

thêm vào văn chương rực rỡ, như thế thiết là sung thực mà lại quang huy, gọi bằng người có tài đức lớn (đại nhân).

Đã hoàn toàn là đại nhân mà lại thông đạt quyền vô khả, vô bất khả, là đã lớn rồi mà lại biến hóa đủ mọi mặt, gọi bằng Thánh nhân. Đã Thánh nhân rồi, mà lại Thánh đến tột bậc, tự mắt người ngoài xem vào không thể đoán lường được, thế là "Thánh bất khả tri chi" thời gọi bằng Thần nhân. Người mà đến Thánh Thần là nhân cách cao đẹp tột bậc ở trong loài người.

Ta đọc hết hai bài chính văn trong Luận Mạnh và đức Khổng, thầy Mạnh đã bảo trên, thời biết cách thức làm người mà muốn cho hoàn toàn tốt mực, tất phải làm đến Thánh Thần. Nhưng vì thế mà ta thật nhớ đến những lời nhà Tây Triết.

Nhà xã hội học có câu rằng : "Lao động Thánh Thần" thời té ra lao động cho giỏi là Thánh Thần rồi, có khó gì mà nhân cách ta chẳng hoàn thiện nữa đâu ! Mà có thể thiết lao động về sức xác cho thiết bền dai thời là đúng nghĩa chữ "hữu hằng" của đức Khổng, lao động về phân tâm cho thiết ngay lành tin thật thời đã in như chữ "thiện" (tín) của thầy Mạnh.

Từ hữu hằng mà tiến lên hoài hoài, lao động cũng làm đến Thánh nhân, từ thiện, tín mà tiến lên hoài thời lao động cũng làm đến Thánh nhân. Tuy bốn chữ Lao Động Thánh Thần, ở trong nhà xã hội học, vẫn bảo lao động là hạng người rất hữu công với xã hội, nhưng suy diễn cho hết lẽ thời bảo lấy sức lao động mà làm đến Thánh Thần cũng chẳng phải là nói khoác.

Đồng bào ta nếu ai nấy cũng gieo thân vào trường lao động, cứ một mực rẽ đường lối Thánh Thần mà bước lên, thời những quyền lợi tự chủ độc lập như nghĩa thứ hai của nhân cách mà đã bị ai ai cướp bóc, ta chắc có thể đem 25 triệu Thánh Thần mà lấy lại được. Đến bấy giờ chắc ông Thần Tao hóa cũng phải khai phục cái danh hiệu khôi nguyên cho chúng ta trên bản thí trường vũ trụ nói trên.

Tác giả thích nghĩa hai chữ "nhân cách" là khiến cho tinh thần mình khi hạ bút chứa chan hy vọng.

Mục thứ tư Nhân cách (personnalité)

Chữ "Cách" gồm có ba nghĩa : một là phẩm cách (qualité) hai là tư cách, ba là cách thức (style Forme). Thích chung ý nghĩa hai chữ nhân cách cũng gồm có ba nghĩa : một là phẩm cách của con người vẫn cao trời hơn vạn vật; hai là tư cách của con người, mà cũng là một người có tư cách. Giải thích cho kỹ thời là một người kia chiếu theo pháp luật của nghĩa vụ, quyền lợi, được tự chủ độc lập. Ba là cách thức để làm cho nên một con người.

Giải thích ba nghĩa ấy, giới hạn rất khó mình bạch. Tác giả xin kể một căn trạng rất thiết tha để cho học giả dễ hiểu.

Tỷ như người Việt Nam ta, cứ so đo về phần thể chất với tinh thần thời chúng ta chẳng phải loài muông chim, chẳng phải loài sâu bọ, chẳng phải loài sắt đá, vẫn chân chính là loài người. Tùng đứng vào trường thi tạo hóa mà xem bảng thi đã yết từ ngày có vũ trụ, chúng ta vẫn đứng trên hết các vạn vật mà được cái huy hiệu bằng nhất phẩm.

Ý nghĩa thứ nhất của hai chữ "nhân cách" là thế. Nhưng chiếu theo lịch sử loài người ở thế giới hiện tại thời người nước ta bây giờ là người vong quốc. Quyền nước ta không trọn, thời có đâu là quyền người, mà chẳng ai chịu thừa nhận cho ta có quyền lợi tự chủ độc lập. Chẳng qua chúng ta ngày nay như con hầu đứa ở, đã bị cha mẹ mình bán từ bao giờ. Bản thân của mình chỉ là một giống phụ thuộc của người khác. Như thế thời gọi bằng mất nhân cách. Nghĩa là người tuy vẫn còn, nhưng tư cách làm người thời đã mất trụi. Ý nghĩa thứ hai của hai chữ "nhân cách" là như thế.

Tuy nhiên theo luật cường chủ nhược nô như nghĩa thứ

hai, thời 25 triệu người nước ta vẫn chẳng ai còn nhân cách. Nhưng may còn nghĩa thú ba, nghĩa là làm cho đúng cách thức làm người như trung tín, liêm sỉ, đạo đức, luân lý v.v... cho đến lỗ tai nghe cho tỏ, con mắt thấy cho sáng, bộ óc thấy cho sâu, sức phấn đấu cho mạnh dạn, gan mao hiểm tiến thủ cho bền dai, tất thấy là khuôn mẫu làm người mà ta gọi bằng nhân cách, thời dẫu ai cũng không phép gì ngăn cấm được ta, mà cũng không ai cướp bóc được ta. Đồng bào thiết chỉ còn ngăn ấy là có giá trị. Nếu còn ngăn ấy mà ta cũng bỏ rảo, thời e chẳng bao lâu trên bảng thi của tạo hóa phải bóc lột ba chữ "Viết Nam nhân" mà cho chúng ta trụy lạc với loài cầm thú còn trùng kia nữa.

Nói tóm lại, nhân cách theo nghĩa thú nhất là nhân cách tạo hóa đặt sẵn ra. Nguyên xưa có trời đất rồi có vạn vật, thời toàn vũ trụ là một trường thi thiết lớn, mà tất thấy vạn vật ở trong vũ trụ vô số là bọn thí sinh, quan chấm trường là Thần Tạo hóa. Khi vạn vật đã vào thi xong trải qua tay tạo hóa đã quyền hành sắp đặt, thời những loài thảo mộc thổ thạch phải hồng rớt ở ngoài bảng. Bởi vì chúng hoàn toàn vô ý thức, không thể đúng chung với một loài hữu trí thức.

Kể tên nữa là loài côn trùng, loài ấy đậu cuối bảng là vì nó có trí thức chút đỉnh mà năng lực quá bạc nhược nên đặt nó ở cuối bảng.

Lại kể lên nữa thời những loài cầm thú tên chúng nó được đậu ở trên côn trùng. Bởi vì trí thức năng lực của chúng nó so với côn trùng có trội hơn, nhưng trí thức của chúng nó chẳng phân biệt được lẽ phải trái, năng lực của chúng nó quá chừng chật hẹp, chỉ mỗi giống hay mỗi việc. Tỷ như ngựa chỉ hay chạy, mà chẳng hay bay, trâu chỉ hay cày mà chẳng hay dệt, mà tính tình của chúng nó lại có cái nết xấu tệ, là mạnh hiếp yếu, lớn nuốt nhỏ. Nhu hùm beo đối với dê chó, điều ó đối với gà con. Trí thức năng lực của chúng nó có bao nhiêu mặc dầu, mà Thần

Tạo hóa không thể đặt chúng ở hàng ưu đẳng, nên chỉ cho chúng nó đậu ở trên hàng côn trùng. Duy chấm đến quyền của loài người thời trí thức của loài này rất cao lại rất đầy đủ; những câu gì Thần Tạo hóa hỏi đến thời chúng nó đối đáp được trơn. Và lại năng lực loài này cũng ghê gớm; những việc gì Thần Tạo hóa bảo thí nghiệm là chúng nó thấy làm được thành công. Vì vậy mà Thần Tạo hóa phải đổ sơn khuyển mực vào quyển thi loài người. Kết quả sau trường thi vũ trụ, loài người được đậu tên thứ nhất. Thế thì nhân cách theo về thiên nhiên bày đặt, chúng ta làm được loài người, vinh diệu biết chừng nào ! Chúng ta thiết đáng nhận làm đại hạnh phúc mà mừng cho tổ ấm ta quá dày.

Tội tình quá ! nhân cách thuộc về nghĩa thú hai, là nhân cách mà do pháp luật bày đặt thời chúng ta bỏ.

Mục thứ năm

Nhân sự

Hai chữ "nhân sự" có ba nghĩa : một là đối với thiên nhiên giới mà nói, nghĩa là những việc mà phải dùng sức người làm nên, chứ chẳng phải thiên nhiên sẵn có. Hai là đối với ngoại vật giới mà nói, nghĩa là những việc mà chỉ duy người mới làm được, chứ các giống vật thời phải chịu thua người. Ba là đối với loài người mà nói, nhu giao thiệp, vãng lai, thù báo, ứng phó v.v...

Vì sao mà có nghĩa thú nhất ? Bởi vì Trời Đất chỉ có công sanh ra người, mà đến những việc cần dùng của loài người như đói cần phải ăn, rét cần phải mặc, phòng ngu gió mưa cần phải có chốn ở, mở rộng giao thông cần có đường đi, thời trời đất tuy có thương người mà không thể thay cho người được. Vì có vậy mà cần phải có nhân sự. Dùng sức người làm ra : cày ruộng, khẩn đất có mà ăn, may vá chăm dệt có mà mặc, làm nhà xây ngõ có mà ở, bắt đầu đắp đường có mà đi, chẳng chịu cho

thiên nhiên đưa mình vào chốn chết. Ấy là nghĩa thứ nhất trong hai chữ "nhân sự".

Vì có sao mà có nghĩa thứ hai ? Bởi vì loài người với loài người tất thấy con chung của Trời Đất, chỉ có nghĩa thương yêu nhau mà không lẽ lại bóc lột nhau, xâu xé nhau, nhưng vì những đồ cần dùng của loài người với lòng ham muốn của loài người, mà muốn cho đầy đủ sở nhu, thỏa thích sở nguyện, tất phải bóc lột xâu xé đến ngoại vật, bấy giờ chúng ta mới phải dùng đến các món trí khôn, các thức năng lực bày đặt ra những cách lợi dụng ngoại vật : có nghề câu chài để bắt cá, có nghề săn bắn để bắt muông chim, có nghề riu búa cày bừa để lợi dụng các loài cây loài lúa, nhất thiết những tài liệu mà cung cấp sự sống cho người ta, tất thấy đến nỗi tàn hại giống vật. Kể đến đó thời loài người ngầm có một điều bất nhân nhưng mà bất đắc dĩ vì muốn bảo toàn loài người mà cực chẳng đã phải tàn hại đến loài vật : có bạc ư vật mới được phần riêng hậu ư nhân.

Trái lại, loài người mà lại bóc lột xâu xé loài người, té ra người lại ác hơn vật, thời nhân sự mà thực có khác chỉ việc cầm thú nữa đâu ! Vì vậy đối với ngoại vật giới phải có nhân sự đặc biệt. Ấy là nghĩa thứ hai trong chữ "nhân sự".

Vì có sao mà có nghĩa thứ ba ? Bởi vì trời đất sanh ra người, nếu chỉ sanh một người mà thôi, hay toàn vũ trụ chỉ riêng một khoé để người ở mà thôi, hay sanh người ở chốn hang sâu như loài con trút, hay sanh người ở chốn vực thẳm như loài con thường luồng, hay sanh ở một chốn rừng rậm như loài con tinh tinh thời chẳng cần gì có xã hội, nhưng ý của Thần Tạo hóa cốt muốn để dành mặt trái đất cho con thương yêu quý hóa của Ngài ở chung. Âu châu có dấu chân người, thời Á châu cũng có dấu chân người. Tây bán cầu có mặt mũi người, thời Đông bán cầu cũng có mặt mũi người. Loài người với loài người đã là anh em một nhà, câu "Tứ hải chi nội giai huynh đệ dã" của tiên thánh, thiết chí lý chân tình !

Vì vậy, người với người đã là anh em con một nhà, có lẽ nào mà chẳng thăm hỏi nhau, giao tiếp thân mật với nhau. Nhân thế, mà đã có loài người tất phải có xã hội; đã có xã hội tất phải có tụ tập vãng lai, lúc bấy giờ phải có việc tống vãng nghinh lai, kết xã tập hội : lớn thời kết thành đoàn thể lớn, nhỏ thời kết thành đoàn thể nhỏ, đã thành một đoàn thể thời những việc giao tế thù báo càng ngày càng phiền phức thêm. Tuy trung có một hạng người rất xấu, mặt người lòng thú, họ chẳng nhận một loài người làm anh em, họ lại thả những ngón cú sói hùn beo đối đãi với người, thời những kẻ chân chính loài người cũng van bất đắc dĩ phải liệu cách đối phó. Vì vậy mà ở trong trường hợp nhân sự, thường xảy ra những việc giết người ác diệt người thù.

Xưa Châu Vô Vương giết độc phu là Trụ, treo đầu Trụ trên cờ Thái Bạch; đảng Cách mạng nước Pháp đưa Lộ Địch thú 16 lên máy chém, tuy vẫn cũng là việc đại bất hạnh ở trong nhân sự, nhưng cả trong nhân sự cũng không thể thiếu những việc ấy.

Tổng chi liên lạc với nhau mà cũng có lúc cừu địch với nhau, ở trong việc người chẳng tránh khỏi cái công lệ ấy. Bởi vì bọn bất nhân kia họ đã cừu địch với loài người vì chính thức tự vệ cũng phải cừu địch với họ.

Ấy là nghĩa thứ ba trong nhân sự.

Ba nghĩa ở trong nhân sự kể rõ như trên, tóm lại có thể chia làm hai bộ phận : một là bộ phận riêng, theo cá nhân, hai là bộ phận chung theo toàn thể loài người. Riêng với chung khác nhau mặc dầu, nhưng khuôn mẫu về nhân sự đang nhiên thời nhất dĩ quán chi.

Kể bộ phận về nhân sự riêng xin chúng vào sách xưa :

Mục *Cừu trừ* ở sách *Thượng thư* có nói : "Nhị, ngũ sự : nhất viết mao, nhị viết ngôn, tam viết thị, tứ viết thính, ngũ viết

PHAN BỘI CHÂU

tu. Mao viết cung, ngôn viết từng, thị viết minh, thính viết thông, tư viết duệ. Cung tác túc, từng tác ngãi, minh tác triết, thông tác mưu, duệ tác Thánh". Nghĩa là công việc đáng làm trong thân người ta, kể có chín điều mục gọi bằng cửu trù (cửu trù nghĩa là chín loài). Trù thứ nhì là, ngũ sự (ngũ sự là năm việc đang nhiên ở trong thân) : một là dung dáng gọi bằng mao, hai là lời nói gọi bằng ngôn, ba là xem dòm gọi bằng thị, bốn là nghe lắng gọi bằng thính, năm là sức tính nghĩ gọi là tư. Năm điều ấy gọi bằng ngũ sự. Muốn ngũ sự cho được hoàn mỹ thời mao phải cẩn thận, ngôn tác phải thuận theo lẽ phải, khi đặt mắt vào những sự vật gì tất phải xét cho ra tốt hay xấu, phải hay trái gọi bằng đức minh, khi ghé tai vào những thanh âm, tất phải phân biệt cho ra chính hay tà, chân hay ngụy, gọi bằng đức thông. Khi đặt lòng vào một sự vật gì, tất phải nghĩ làm sao cho thiệt là khôn ngoan, sáng suốt gọi bằng đức duệ. Vì ngũ sự đó ta làm được hay là hành được năm đức thời kết quả thân ta đủ được năm phần tốt : cung thời nhân phẩm ta thành ra người túc (túc là nghiêm trang); từng thời nhân phẩm ta thành ra người ngãi (ngãi là tốt lành), minh thời nhân phẩm ta thành ra người triết (triết là óc khôn đầy đủ); thông thời nhân phẩm ta thành ra người mưu (mưu là trí tuệ cao sâu); duệ thời nhân phẩm ta thành ra người Thánh (Thánh nghĩa là Thần minh bất trắc).

Ngũ sự kể trên chính là việc của người mà ai nấy cũng phải có. Tuy vẫn bộ phận ở trong nhân sự, nhưng nếu việc làm người ở bốn thân, trước được như thế, thời nền tảng làm người đã đầy vũng, chắc hiệu nghiệm sẽ rộng lớn đến vô cùng.

Kể bộ phận về sự nhân sự chung, cũng xin chúng vào sách xưa. Sách *Thượng thư* kể về đức chính nuôi người, chú trọng vào câu lục phủ, tam sự, doãn sự. Sách *Thượng thư* thiên *Đại vũ mô*. Tam sự là ba việc rất lớn ở trong nhân sự : một chính đức, hai lợi dụng, ba là hậu sinh. Ý nói loài người nhờ ơn Trời Đất có sáu kho tàng thiên nhiên gọi bằng lục phủ : một là nước

TOÀN TẬP

(thủy), hai là lửa (hỏa), ba là vàng (kim), bốn là cây (mộc), năm là đất (thổ), sáu là lúa (cốc). Có sáu phủ ấy để cung cấp cho loài người dùng. Nhưng nếu có thiên sản tự nhiên, mà không có nhân sự đang nhiên, thời té ra có giống sanh mà không có giống thành, hoặc chỉ đủ phần dưỡng mà thiếu phần giáo, kết quả thời lục phủ mà trời đất cho ta, hóa ra vô dụng, mà làm hại cho loài người nữa kia. Vậy nên rất khẩn yếu cho loài người là có ba việc : một là giáo dục, khiến cho chính đức tính của người ta, gọi là chính đức; hai là bách công, khiến cho các thức khí dụng của loài người, càng ngày càng tăng tiến, gọi bằng lợi dụng; ba là kinh tế, khiến cho tất thấy sanh sản phẩm, không chốn thừa, không chốn thiếu, để cho sự sống của loài người ai nấy cũng đầy đặn, gọi bằng hậu sinh; đủ ba việc ấy, là lấy nhân vi bổ trợ thiên nhiên, mà lục phủ của trời đất cho ta mới thành kho vàng vô tận của nhân loại.

Tám sự kể trên chính là bộ phận lớn ở trong nhân sự chung.

Gần đây, các học thuyết Âu châu, kể đến việc nuôi người dạy dân, thường chủ trương có tam đức : đức đức cũng chính là chính đức, trí đức chính là lợi dụng, thể đức tức là hậu sinh. Giả như không chính đức thời đức đức chốn nào ? Không lợi dụng thời trí đức để làm gì ? Không hậu sinh thời thể đức chẳng qua là không chứng nghiệm hay sao ?

(Còn nữa)

(Theo bản đăng trên báo *Minh Triết* của

Giáo phái Cao Đài miền Trung,

xuất bản tại Đà Nẵng.

Từ số 8 đến số 18. 1959 - 1960.

Tài liệu này do Trần Viết Ngạc cung cấp).